

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 11- 11- 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1981; thường trú: 177 Nguyễn Hữu T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; thường trú: 469/15 tổ 15, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01, cấp ngày 07/02/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh L không có trách nhiệm với vợ con vì vậy mà thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm

2008 đến nay nên nguyên đơn xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung, tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/8/2005, hiện cháu H đang sống cùng ông bà ngoại. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L:* Anh L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 9 năm 2019, anh L trình bày:

Anh L thống nhất với chị Nguyễn Thị K về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Sau kết hôn, do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng bàn bạc để cho chị K đi xuất khẩu lao động, chính vì xa cách nhau thời gian dài nên tình cảm vợ chồng không còn như trước, sau khi chị K về Việt Nam thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị K yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/8/2005. Hiện nay con chung đang sống cùng ông bà ngoại. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 24/10/2019 và ngày 11/11/2019 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2003 chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01, cấp ngày 07/02/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai người không hợp tính tình, bị đơn sống không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho chồng cũng phai nhạt dần. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Bị đơn thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhiều năm nay, xác nhận tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, ly thân từ năm 2008 đến nay không còn quan hệ tình cảm với nhau và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất toàn bộ nguyên nhân mâu thuẫn và cả hai đều thừa nhận quá trình vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng nguyên đơn không thể sống hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, làm cho nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn. Do đó việc tiếp tục kéo dài hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/8/2005. Hiện con chung đang ở cùng với bà ngoại. Nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét về điều kiện và khả năng chăm sóc con chung của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn hiện nay làm công nhân, thu nhập ổn định mỗi tháng 6.000.000 đồng, có nhiều thời gian chăm sóc, đưa rước con đi học; bị đơn làm bên thợ hồ, công việc không ổn định, thường xuyên phải đi theo công trình nên nguyên đơn có điều kiện chăm sóc con chung thuận lợi hơn. Hiện tại con chung đang sống với nguyên đơn và được chăm sóc tốt, mặt khác yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu Nguyễn Thị Thanh H cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 80 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[2.5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn xác định hiện đang làm công nhân, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, vì vậy nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn L (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01, cấp ngày 07/02/2003 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

Về con chung: Anh Nguyễn Văn L giao người con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/8/2005 cho chị Nguyễn Thị K tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Văn L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị K nuôi con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028975 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã T (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân

